TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành

Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thái B, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp H, xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Cheng, Shih – M, sinh năm 1982; cư trú tại: Số A, hẻm P, lộ N, khóm I, phường K, Khê T, huyện C, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 22/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thái B trình bày: Năm 2018 ông và bà Cheng, Shih – M quen biết nhau và quyết định tiến đến hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2018. Sau khi kết hôn, ông bà thống nhất ông ở Việt Nam, còn bà Cheng, Shih – M về Đài Loan sinh sống, sau khi hoàn tất các thủ tục và xử lý công việc cá nhân thì ông sang Đài Loan chung sống cùng với bà Cheng, Shih – M. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống kinh tế khó khăn từ đó

vợ chồng không thể hòa thuận. Cả hai đã nhiều lần khuyên bảo lẫn nhau để thay đổi nhưng không thành. Từ ngày 25/7/2018 bà Cheng, Shih – M về Đài Loan cho đến nay vợ chồng ly thân nhiều năm, cả hai ít liên lạc nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Hiện tại, ông không còn tình cảm với bà Cheng, Shih – M. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thái B yêu cầu được ly hôn với bà Cheng, Shih – M.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa ông Phạm Thái B và bà Cheng, Shih – M thì ông B là công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, bà Cheng, Shih – M là người nước ngoài đang định cư tại Đài Loan. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Thái B và bà Cheng, Shih – M là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn ông Phạm Thái B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Cheng, Shih – M đã được Tòa án ủy thác tống đạt hợp lệ văn bản ghi rõ thời gian và địa điểm mở phiên tòa. Tuy nhiên, bà Cheng, Shih – M không gửi ý kiến về Tòa án và không có mặt để tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Thái B và bà Cheng, Shih – M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Thái B và bà Cheng, Shih – M kết hôn vào năm 2018, được Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế giữa ông Phạm Thái B và bà Cheng, Shih – M không còn chung sống với nhau, quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc ông Phạm Thái B yêu cầu ly hôn với bà Cheng, Shih – M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Ông Phạm Thái B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Phạm Thái B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20166 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thái B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thái B được ly hôn với bà Cheng, Shih – M.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Thái B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Phạm Thái B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014821 ngày 31/10/2023 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác theo biên lai thu số 0014850 ngày 22/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn ông Phạm Thái B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bị đơn bà Cheng, Shih – M được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDTXB: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư